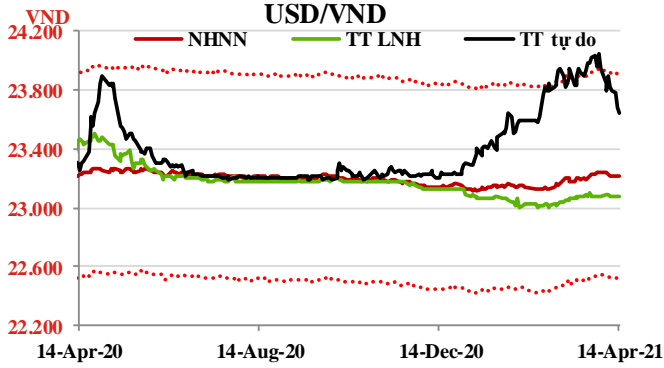


Tin trong nước ngày 14/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 14/04, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.217 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.864 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.075 VND/USD, tăng nhẹ 01 đồng so với phiên 12/04. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.620 - 23.640 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 14/04, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,01 – 0,03 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, chốt phiên ở mức: ON 0,43%; 1W 0,55%; 2W 0,67% và 1M 0,84%. Trái lại, lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ ON, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,18%; 2W 0,23%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn ngắn trong khi giữ nguyên ở các kỳ hạn 7Y, 10y, tăng nhẹ ở kỳ hạn 15Y, chốt phiên tại: 3Y 0,68%; 5Y 1,17%; 7Y 1,52%; 10Y 2,41%; 15Y 2,62%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 14/04, KBNN huy động thành công 4.810/7.750 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 62%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được toàn bộ 3.750 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động được 1.000/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động 60/500 tỷ đồng, riêng kỳ hạn 5 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,38%/năm (tăng 0,03%); kỳ hạn 15 năm tại 2,57%/năm (tăng 0,02%) và kỳ hạn 30 năm giữ nguyên tại 3,05%/năm.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, lực cầu dâng cao ở nhiều cổ phiếu lớn giúp các chỉ số đảo chiều tăng tích cực, trong đó, các cổ phiếu ngành thép bứt phá mạnh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 7,54 điểm (+0,60%) lên 1.255,87 điểm; HNX-Index tăng 2,64 điểm (+0,9%) lên 294,83 điểm; UPCoM-Index tăng 0,27 điểm (+0,32%) lên 83,4 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức rất cao với tổng giá trị giao dịch đạt trên 22.800 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng hơn 1.006 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- KBNN vừa thông báo kế hoạch đấu thầu TPCP quý II/2021.** Tổng mức phát hành qua SGD Chứng khoán Hà Nội là 100 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả khối lượng phát hành cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam). Khối lượng dự kiến: Kỳ hạn 5 năm: 10 nghìn tỷ đồng; Kỳ hạn 7 năm: 4 nghìn tỷ đồng; Kỳ hạn 10 năm: 35 nghìn tỷ đồng; Kỳ hạn 15 năm: 35 nghìn tỷ đồng; Kỳ hạn 20 năm: 8 nghìn tỷ đồng; Kỳ hạn 30 năm: 8 nghìn tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện, KBNN có thể điều chỉnh khối lượng phát hành các kỳ hạn TP phù hợp với tình hình thị trường và nhu cầu sử dụng vốn của NSNN.


Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.43	-0.02	0.15	0.01	3Y	0.68	-0.008
1W	0.55	0.01	0.18	-0.01	5Y	1.17	-0.001
2W	0.67	0.01	0.23	-0.01	7Y	1.52	0.000
1M	0.84	0.03	0.33	-0.01	10Y	2.41	0.000
2M	1.05	0.02	0.43	-0.01	15Y	2.62	0.002
3M	1.25	0.02	0.54	-0.03			
6M	1.98	0.04	0.84	-0.03			
9M	2.62	0.04	1.14	-0.04			
1Y	2.97	0.00	1.19	-0.04			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

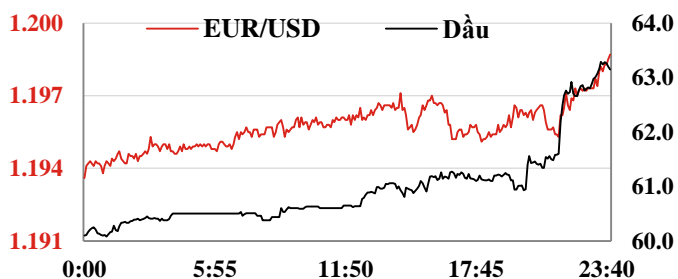
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
14-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
13-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
12-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

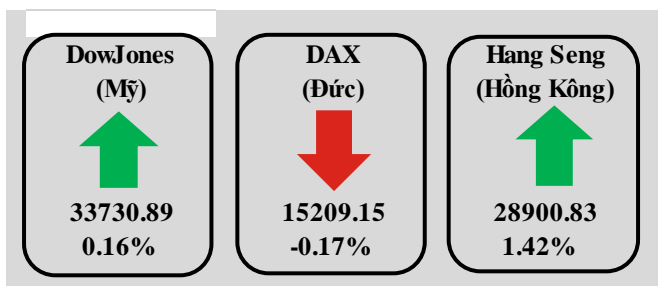
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	14-Apr-21	5	1500	0	0.00%	0.00%
MOF	14-Apr-21	10	3750	3750	2.38%	0.03%
MOF	14-Apr-21	15	2000	1000	2.57%	0.02%
MOF	14-Apr-21	30	500	60	3.05%	0.00%
Tổng			7750	4810		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1255.87	294.83	83.40
%/ngày	0.60%	0.90%	0.32%
%/31/12/2020	13.77%	45.2%	12.0%
KLGD (tr.d.v)	861.96	155.27	71.7
GTGD (tỷ đ)	19345.13	2544.43	927.71
NĐINN mua (tỷ đ)	1438.62	111.92	0.88
NĐINN bán (tỷ đ)	2429.94	127.26	1.07



	14 Apr 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	91.69	-0.18%	-0.83%	1.95%
USD/CNY	6.53	-0.21%	-0.19%	0.06%
USD/EUR	0.83	-0.27%	-0.90%	1.96%
USD/JPY	108.91	-0.13%	-0.85%	5.49%
USD/KRW	1116.08	-0.47%	-0.26%	2.91%
USD/SGD	1.34	-0.42%	-0.42%	1.11%
USD/TWD	28.44	0.11%	-0.05%	1.30%
USD/THB	31.30	-0.67%	-0.19%	4.19%
USD/VND Trung tâm	23217	0.01%	-0.05%	0.37%
USD/VND LNH	23075	0.00%	-0.06%	-0.06%
USD/VND tự do	23620	0.08%	-0.84%	1.37%
Vàng	1736.00	-0.45%	-0.07%	-8.46%
Dầu	63.15	4.94%	5.66%	30.15%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0736	-0.0011		
SW	0.0868	0.0045		
1M	0.1156	0.0010	0.2813	0.0000
2M	0.1489	0.0065		
3M	0.1836	-0.0001	0.4375	0.0000
6M	0.2194	-0.0001	0.5932	0.0000
1Y	0.2868	-0.0010	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 13/04/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	28/04/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	22/04/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	04/05/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Chỉ số giá nhập khẩu tại Mỹ tiếp tục tăng.** Cụ thể, cơ quan Thống kê Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá nhập khẩu tại quốc gia này tăng 1,2% m/m trong tháng 3 sau khi tăng 1,3% của tháng trước đó, vượt qua mức tăng 1,0% theo kỳ vọng đồng thời đánh dấu tháng tăng thứ năm liên tiếp của chỉ số này. Như vậy, so với cùng kỳ 2020, chỉ số giá nhập khẩu tại Mỹ tăng tới 6,9%. Trong các nhóm mặt hàng, chỉ số giá nhập khẩu dầu là tăng mạnh nhất, ở mức 6,3% y/y trong tháng 3. Giá nhập khẩu đi lên cũng làm giá xuất khẩu của nước Mỹ tăng lên đáng kể ở mức 2,1% m/m và 9,1% y/y trong tháng vừa qua. Một số chuyên gia dự báo các chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng lên trong quý 2, khi nước Mỹ tập trung vào quá trình phục hồi mạnh sản xuất, đồng thời nhu cầu quốc tế cũng tăng lên theo quá trình tiêm chủng vaccine toàn cầu.
- Niềm tin tiêu dùng tại Úc tăng mạnh ở đầu quý 2.** Tổ chức Westpac cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại nước Úc tăng 6,2% m/m trong tháng 4 lên mức 118 điểm, sau khi đã tăng 2,6% ở tháng trước đó. Đây là mức niềm tin tiêu dùng cao nhất của nước này kể từ tháng 08/2020. Mặc dù vậy, các chuyên gia tại Westpac không ngạc nhiên về mức điểm này. Theo báo cáo, chỉ số niềm tin tiêu dùng đã được nhận định sẽ phục hồi rất nhanh ngay từ sau khi đại dịch tác động, với mức tăng 16,4% m/m trong tháng 05/2020. Thị trường lao động Úc phục hồi nhanh chóng trong những tháng gần đây là một trong những lý do quan trọng nhất thúc đẩy niềm tin tiêu dùng tại quốc gia này.
- Giá trị đơn đặt hàng máy móc tại Nhật Bản rơi sâu.** Chính phủ Nhật Bản thông báo giá trị đơn đặt hàng máy móc lõi của nước này giảm mạnh 8,5% m/m trong tháng 2, nối tiếp đà giảm 4,5% của tháng 1 trước đó, trái với kỳ vọng phục hồi 2,4%. Kết quả này làm cả Chính phủ và thị trường Nhật Bản đều bất ngờ khi đang kỳ vọng khu vực tư nhân sẽ đầu tư mạnh trở lại để thoát khỏi tình trạng yếu kém do đại dịch. Tuy nhiên, các chuyên gia phân tích cho rằng thị trường Nhật Bản vẫn đang rất cẩn trọng, trong bối cảnh nước này có thể phải đón nhận làn sóng Covid-19 thứ tư trong thời gian tới.

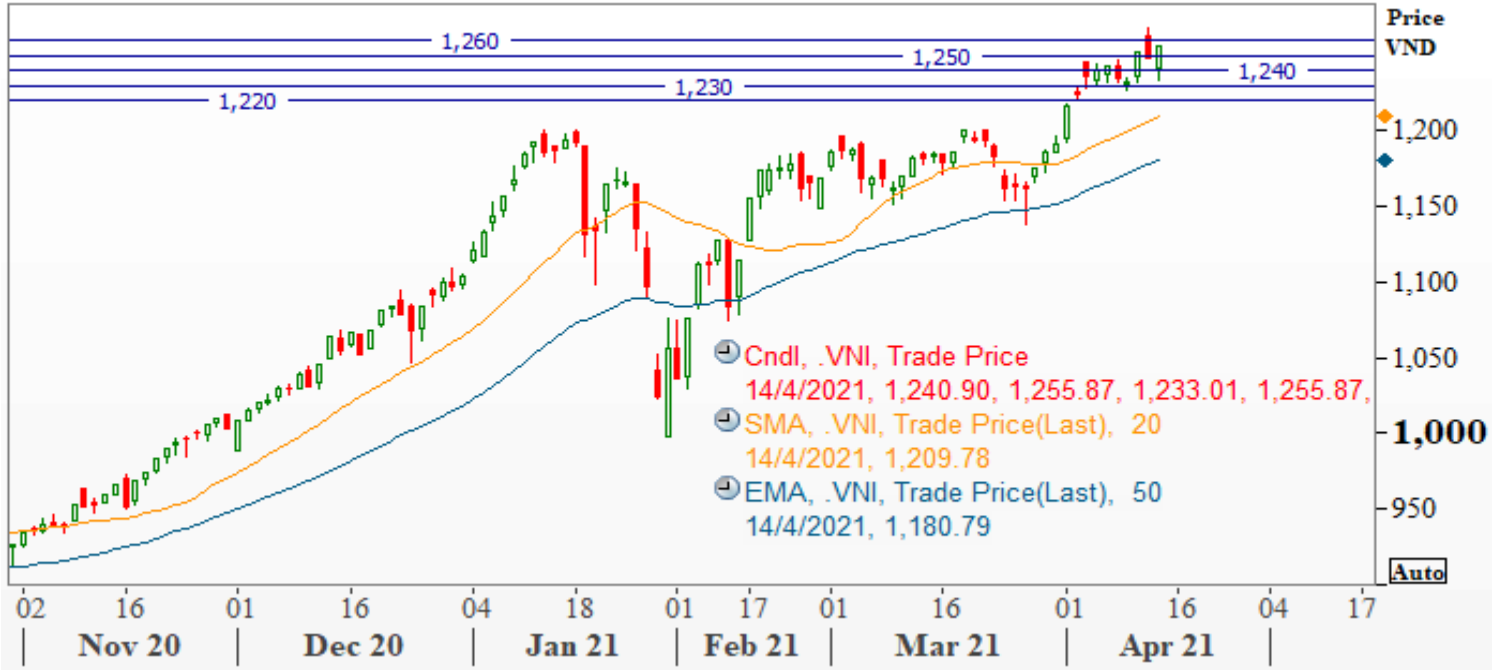
Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
14-04	6:50	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy lõi Nhật Bản mm T2	-8.5	2.4	-4.5
14-04	7:30	*	Niềm tin tiêu dùng Westpac Úc mm T4	6.2		2.6
14-04	19:30	*	Chỉ số giá nhập khẩu Mỹ mm T3	1.2	1.0	1.3
15-04	8:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T3		35.2K	88.7K
15-04	8:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Úc T3		0.7	5.8
15-04	13:00	*	CPI chính thức tại Đức mm T3		0.5	0.5
15-04	19:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ mm T3		5.1	-2.7
15-04	19:30	***	Doanh số bán lẻ toàn phần Mỹ mm T3		5.8	-3.0
15-04	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		703K	744K
15-04	20:15	*	Sản lượng công nghiệp Mỹ mm T3		2.7	-2.2

VN-INDEX

Daily .VNI

30/10/2020 - 18/5/2021 (HAN)



VN-Index tăng mạnh lên mức 1.255,87 điểm. Với độ dốc hướng lên của các đường SMA ngắn hạn như hiện tại, nhiều khả năng chỉ số sẽ tiếp tục có chiều hướng đi lên theo dạng ziczac đan xen các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn.

Nguỡng hỗ trợ: 1.230 – 1.220

Nguỡng kháng cự: 1.250 – 1.260

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn